

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC TP HỒ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY ĐIỆN LỰC PHÚ THỌ

Số: 719/PCPT-KD

V/v: Hỗ trợ tuyên truyền về việc điều
chỉnh mức giá điện cho các khách hàng
sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch
COVID-19.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quận 11, ngày 20 tháng 4 năm 2020

Kính gửi : Ủy ban Nhân dân Quận 10

Thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2020 và Công văn số 2698/BCT-ĐTĐL ngày 16/4/2020 của Bộ Công Thương về việc hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch COVID-19;

Công ty Điện lực Phú Thọ kính báo cáo UBND Quận 10 được biết để có ý kiến chỉ đạo Phòng Kinh tế, UBND các phường trực thuộc hỗ trợ Công ty Điện lực tuyên truyền, phổ biến đến các đơn vị sự nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh và người dân đang sử dụng điện trên địa bàn về việc điều chỉnh mức giá điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch COVID-19 như sau:

1. Giảm giá bán điện so với Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019:

- Giảm 10% cho các ngành sản xuất, kinh doanh, giá bán buôn cho các khu công nghiệp, chợ.
- Giảm 10% từ bậc 1 đến bậc 4 cho điện sinh hoạt và bán buôn điện nông thôn, khu tập thể, cụm dân cư, tổ hợp thương mại – dịch vụ - sinh hoạt.
- Giảm từ giá điện áp dụng cho kinh doanh sang giá điện cho sản xuất sau khi giảm giá cho khách hàng là các cơ sở lưu trú du lịch.

2. Giảm tiền điện cho các cơ sở phục vụ phòng, chống dịch Covid – 19:

- Giảm 100% tiền điện cho các cơ sở (không phải là khách sạn) được dùng để cách ly, khám bệnh tập trung bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm COVID-19.
- Giảm 20% tiền điện cho các cơ sở y tế được dùng để khám, xét nghiệm, điều trị bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm COVID-19.

- Giảm 20% tiền điện cho các khách sạn được dùng để cách ly bệnh nhân nghi nhiễm, đã nhiễm COVID-19.

3. Thời gian hỗ trợ:

Thực hiện hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện trọn kỳ hóa đơn trong vòng đủ ba (03) tháng. Thời điểm giảm giá điện, giảm tiền điện được xác định theo kỳ ghi chỉ số hàng tháng tại công tơ điện của khách hàng. Cụ thể như sau:

- Đối với các khách hàng sử dụng điện sinh hoạt. Áp dụng cho cho các kỳ hóa đơn tháng 5, tháng 6 và tháng 7 năm 2020.

- Đối với các khách hàng sử dụng điện ngoài sinh hoạt: cho các mục đích sản xuất, kinh doanh dịch vụ, cơ sở lưu trú du lịch, cơ sở phục vụ phòng, chống dịch Covid - 19: được giảm giá điện, giảm tiền điện sẽ được áp dụng ngay từ kỳ hoá đơn ngày Công ty Điện lực ghi điện gần nhất kể từ ngày 16/4/2020.

Sau thời hạn giảm giá điện, giảm tiền điện: Áp dụng giá bán điện cho tất cả các đối tượng khách hàng theo quy định tại Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2019.

Để triển khai thực hiện tốt công tác giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid - 19 theo văn bản số 2698/BCT-ĐTĐL ngày 16/4/2020 của Bộ Công thương, Công ty Điện lực Phú Thọ kiến nghị Ủy Ban nhân dân Quận 10 hỗ trợ cung cấp cho Công ty Điện lực Phú Thọ danh sách các cơ sở phục vụ phòng, chống dịch Covid - 19 trên địa bàn Quận 10 do Ban chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch bệnh COVID-19, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập, xác nhận hàng tháng.

Công ty Điện lực Phú Thọ rất mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của Quý UBND Quận để Công ty Điện lực hoàn thành tốt nhiệm vụ.

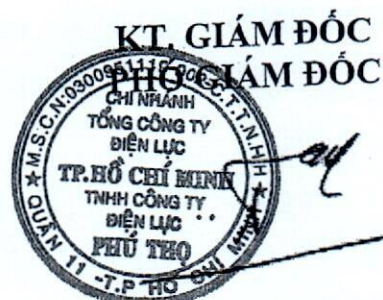
Trân trọng./.

Nơi nhận :

- Nhu trên (để chỉ đạo)
- Phòng KT&E Q10 (để biết)
- UBND 15 phường thuộc Q10 (để hỗ trợ)
- Hội LHPN Quận 10, Hội luật gia quận 10 (để biết)
- Hội CCB, Ủy ban MTTQ, Quận đoàn, LĐLĐ Quận 10
- Lưu:VT,KD,TTAT.(19)

Đính kèm:

- Văn bản số 2698/BCT-ĐTĐL ngày 16/4/2020 của Bộ Công thương
- Bảng giá bán điện áp dụng cho điện năng trong khoảng thời gian để hỗ trợ tiền điện.



Lại Xuân Phương

**BẢNG GIÁ BÁN ĐIỆN ÁP DỤNG CHO ĐIỆN NĂNG TRONG KHOẢNG THỜI
 GIAN ĐỂ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN DO ẢNH HƯỞNG DỊCH COVID-19**

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
1	Giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất	
1.1	Cấp điện áp từ 110 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	1.382
	b) Giờ thấp điểm	873
	c) Giờ cao điểm	2.483
1.2	Cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV	
	a) Giờ bình thường	1.400
	b) Giờ thấp điểm	906
	c) Giờ cao điểm	2.584
1.3	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV	
	a) Giờ bình thường	1.450
	b) Giờ thấp điểm	940
	c) Giờ cao điểm	2.668
1.4	Cấp điện áp dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	1.517
	b) Giờ thấp điểm	990
	c) Giờ cao điểm	2.768
2	Giá bán lẻ điện cho kinh doanh	
2.1	Cấp điện áp từ 22 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	2.198
	b) Giờ thấp điểm	1.225
	c) Giờ cao điểm	3.826
2.2	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV	
	a) Giờ bình thường	2.366
	b) Giờ thấp điểm	1.392
	c) Giờ cao điểm	3.960
2.3	Cấp điện áp dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	2.399
	b) Giờ thấp điểm	1.460
	c) Giờ cao điểm	4.128
3	Giá bán lẻ điện cho sinh hoạt	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.510
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.561
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.813
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	2.282
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.834

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.927
4	Giá bán buôn điện nông thôn	
4.1	Giá bán buôn điện sinh hoạt	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.263
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.313
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.431
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	1.774
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.231
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.323
4.2	Giá bán buôn điện cho mục đích khác	1.326
5	Giá bán buôn điện khu tập thể, cụm dân cư	
5.1	Thành phố, thị xã	
5.1.1	Giá bán buôn điện sinh hoạt	
5.1.1.1	Trạm biến áp do Bên bán điện đầu tư	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.411
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.462
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.655
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	2.094
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.625
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.713
5.1.1.2	Trạm biến áp do Bên mua điện đầu tư	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.391
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.441
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.607
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	2.031
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.538
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.652
5.1.2	Giá bán buôn điện cho mục đích khác	1.337
5.2	Thị trấn, huyện lỵ	
5.2.1	Giá bán buôn điện sinh hoạt	
5.2.1.1	Trạm biến áp do Bên bán điện đầu tư	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.363
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.413
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.572
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	1.989
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.486

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.569
5.2.1.2	Trạm biến áp do Bên mua điện đầu tư	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.342
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.392
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.537
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	1.907
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.399
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.480
5.2.2	Giá bán buôn điện cho mục đích khác	1.337
6	Giá bán buôn điện cho tổ hợp thương mại - dịch vụ - sinh hoạt	
6.1	Giá bán buôn điện sinh hoạt	
	Bậc 1: Cho kWh từ 0 - 50	1.481
	Bậc 2: Cho kWh từ 51 - 100	1.531
	Bậc 3: Cho kWh từ 101 - 200	1.778
	Bậc 4: Cho kWh từ 201 - 300	2.238
	Bậc 5: Cho kWh từ 301 - 400	2.780
	Bậc 6: Cho kWh từ 401 trở lên	2.871
6.2	Giá bán buôn điện cho mục đích khác	
	a) Giờ bình thường	2.275
	b) Giờ thấp điểm	1.384
	c) Giờ cao điểm	3.914
7	Giá bán buôn điện cho các khu công nghiệp	
7.1	Giá bán buôn điện tại thanh cái 110 kV của trạm biến áp 110 kV/35-22-10-6 kV	
7.1.1	Tổng công suất đặt các MBA của trạm biến áp lớn hơn 100 MVA	
	a) Giờ bình thường	1.332
	b) Giờ thấp điểm	851
	c) Giờ cao điểm	2.432
7.1.2	Tổng công suất đặt các MBA của trạm biến áp từ 50 MVA đến 100 MVA	
	a) Giờ bình thường	1.327
	b) Giờ thấp điểm	825
	c) Giờ cao điểm	2.420
7.1.3	Tổng công suất đặt các MBA của trạm biến áp dưới 50 MVA	
	a) Giờ bình thường	1.319
	b) Giờ thấp điểm	823

TT	Nhóm đối tượng khách hàng	Giá bán điện (đồng/kWh)
	c) Giờ cao điểm	2.406
7.2	Giá bán buôn điện phía trung áp của trạm biến áp 110/35-22-10-6 kV	
7.2.1	Cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV	
	a) Giờ bình thường	1.373
	b) Giờ thấp điểm	890
	c) Giờ cao điểm	2.535
7.2.2	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 kV	
	a) Giờ bình thường	1.423
	b) Giờ thấp điểm	922
	c) Giờ cao điểm	2.617
8	Giá bán buôn điện cho chợ	2.145